

Số: 189 /QĐ-ĐHĐĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành “Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

Căn cứ Quyết định 534/QĐ-TTg ngày 03/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Dân lập Đông Đô sang loại hình tư thục;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021 quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định 564/QĐ-ĐHĐĐ ngày 25/06/2021 của Hiệu trưởng Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Biên bản số 56/BB-ĐHĐĐ ngày 29/03/2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Đông Đô về việc Thảo luận, thông qua chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kỹ thuật xét nghiệm y học và quy trình, nội dung đánh giá, cập nhật, bổ sung, soạn thảo chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành còn lại;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Dược – Xét nghiệm, Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học”, mã ngành 7720601.

Điều 2. Chương trình trên áp dụng cho đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và là cơ sở để biên soạn chương trình đào tạo cùng trình độ các hệ đào tạo khác của ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học từ năm tuyển sinh 2023. Các chương trình liên quan trước đây đều được bãi bỏ.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Đào tạo và Quản lý sinh viên, Khảo thí - Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Tài chính - Kế toán, Trưởng Khoa Dược - Xét nghiệm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
ĐÔNG ĐÔ
TS Nguyễn Thái Sơn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KTXN Y HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 189/QĐ-ĐHĐĐ ngày 29 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)

- Tên ngành đào tạo : **Kỹ thuật xét nghiệm y học (Laboratory Medicine Technique)**
- Mã số : **7220601**
- Trình độ đào tạo : **Đại học**
- Danh hiệu tốt nghiệp : **Cử nhân KTXN y học**
- Loại hình đào tạo : **Chính quy, vừa làm vừa học**
- Đơn vị đào tạo : **Khoa Dược – Xét nghiệm, Trường Đại học Đông Đô**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo Cử nhân KTXN y học trình độ đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo, đáp ứng được nhu cầu xã hội;

- Đào tạo những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về KTXN y học, có thể sử dụng chuyên môn thành thạo, linh hoạt và có năng lực cơ bản, kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế, có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Có đủ y đức phục vụ nhân dân, có kiến thức và kỹ năng thực hành theo tiêu chuẩn năng lực ngành KTXN y học ở trình độ đại học;

- Có hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật; có kiến thức cơ bản về văn hóa – xã hội, kinh tế chính trị; có kiến thức xét nghiệm y học để làm việc xứng tầm trong lĩnh vực chuyên môn;

- Có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp làm việc độc lập với tư cách là một chuyên gia ngành KTXN y học tại các bệnh viện công hoặc tư nhân hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân;

- Có phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành xét nghiệm y học để nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp tục học tập ở các bậc học cao hơn.

1.2.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng chuyên môn: Có năng lực sử dụng kiến thức xét nghiệm y học, đặc biệt là khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng;

- Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức KTXN y học, lý luận và phương pháp y học vào giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực sức khỏe và thực hiện tốt

công tác đảm bảo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

1.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Chấp hành đúng, đầy đủ các chủ chương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường. Có ý chí vươn lên trong học tập. Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động sinh hoạt học thuật, nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong trường và cộng đồng.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Người học hiểu và áp dụng được:

- Các nguyên lý, qui luật, nội dung của Triết học Mác - Lê nin, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Cấu tạo, hoạt động và chức năng sống của cơ thể con người ở trạng thái bình thường và trạng thái bệnh lý.
- Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp đảm bảo và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.
- Các nguyên tắc, các KTXN để chẩn đoán bệnh, chữa bệnh và phòng bệnh.
- Phương pháp luận khoa học trong công tác chăm sóc, phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học.

2.2. Kỹ năng

- Thực hiện đúng y lệnh của bác sĩ, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với bác sĩ để chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người bệnh.
- Làm thành thạo các KTXN y học cơ bản và chuyên ngành.
- Thực hiện được kỹ năng xây dựng, lập kế hoạch và tổ chức quy trình KTXN y học.
- Làm tốt công tác quản lý các cơ sở xét nghiệm, tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ KTXN y học và các nhân viên y tế.
- Tiến hành được các xét nghiệm để phục vụ chẩn đoán, phòng bệnh và chữa bệnh.
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất biện pháp phối hợp phòng chống dịch có hiệu quả.
- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.
- Phối hợp thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường, sức khỏe.
- Sử dụng tối thiểu được một loại ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và thành thạo công nghệ thông tin để phục vụ cho quản lý, nghiên cứu khoa học.
- Lập và thực hiện được kế hoạch công tác cá nhân một cách chủ động, có hệ thống; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.
- Tự học, tự nghiên cứu khoa học về lĩnh vực sức khỏe, để có thể làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác và làm việc với cộng đồng.

2.3. Thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

- Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

- Tôn trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

2.4. Mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác.

- Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp.

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn.

- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp.

3. Thời gian đào tạo: 04 năm với hệ chính quy (có thể học vượt theo quy định); 2,5 năm với hệ vừa học vừa làm Trung cấp lên Đại học; 1,5 năm hệ với hệ vừa học vừa làm Cao đẳng lên Đại học.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

4.1. Hệ chính quy: 130 tín chỉ, bao gồm 124 tín chỉ các học phần/môn học; 06 tín chỉ thi học phần thay thế tốt nghiệp/Bảo vệ khóa luận.

STT	Khối lượng học tập	Tín chỉ
1	Kiến thức Giáo dục đại cương (chưa tính học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)	39
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp , trong đó: Kiến thức cơ sở ngành Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành) Kiến thức bổ trợ (tự chọn) Thực tế nghề nghiệp	85 23 52 4 6
3	Thi học phần thay thế tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận.	6
Tổng cộng		130

4.2. Hệ vừa học vừa làm

4.2.1. Trung cấp lên đại học: 98 tín chỉ, bao gồm 94 tín chỉ các học phần/môn học; 04 tín chỉ thi học phần thay thế tốt nghiệp/Bảo vệ khóa luận.

STT	Khối lượng học tập	Tín chỉ
1	Kiến thức Giáo dục đại cương (chưa tính học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)	22

2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp , trong đó:	72
	Kiến thức cơ sở ngành	23
	Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành)	41
	Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	4
	Thực tế nghề nghiệp	4
3	Thi học phần thay thế tốt nghiệp/Bảo vệ khóa luận.	4
Tổng cộng (1+2+3)		98

4.2.2. Hệ vừa học vừa làm cao đẳng lên đại học: 62 tín chỉ, bao gồm 58 tín chỉ các học phần/môn học; 04 tín chỉ thi học phần thay thế tốt nghiệp/bảo vệ khóa luận.

STT	Khối lượng học tập	Tín chỉ
1	Kiến thức Giáo dục đại cương (chưa tính học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)	6
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong đó:	52
	Kiến thức cơ sở ngành	8
	Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành)	33
	Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	4
	Thực tế nghề nghiệp	3
3	Thi học phần thay thế tốt nghiệp/Bảo vệ khóa luận.	4
Tổng cộng (1+2+3)		62

5. Đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Đối tượng tuyển sinh

- Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Đông Đô.

5.2 Quy trình đào tạo

- Theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô.

5.3. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khoá học, sinh viên có đủ các tiêu chí sau sẽ được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ 130 tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có tiếng Anh đạt trình độ theo quy định khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung châu Âu, trình độ tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Đông Đô;
- Có chứng chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh;

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường.

6. Thang điểm:

- Thang điểm 10;
- Thang điểm 4;
- Thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình

7.1. Hệ chính quy

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số tín chỉ	Phân bố		Ghi chú
			LT	TH	
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương		39	38	1	
<i>Các môn chung</i>		25	24	1	
1	Triết học Mac-Lênin	3	3	0	
2	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	2	0	
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	2	0	
4	Tư tưởng HCM	2	2	0	
5	Lịch sử Đảng CSVN	2	2	0	
6	Ngôn ngữ Anh 1	4	4	0	
7	Ngôn ngữ Anh 2	4	4	0	
8	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	4	4	0	
9	Tin học đại cương	2	1	1	
	Giáo dục thể chất	3	0	3	
	Giáo dục QPAN	11	0	11	
<i>Các môn cơ sở khối ngành</i>		14	14	0	
10	Xác suất - thống kê y học	2	2	0	
11	Sinh học và di truyền	2	2	0	
12	Hóa đại cương	2	2	0	
13	Vật lý và lý sinh	2	2	0	
14	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	0	
15	Pháp luật đại cương	2	2	0	
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		91	50	41	
<i>7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>		23	21	2	
1	Giải phẫu	3	2	1	Bắt buộc
2	Sinh lý - Mô	2	2	0	Bắt buộc
3	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	2	0	Bắt buộc
4	Dược lý học	2	2	0	Bắt buộc

5	Điều dưỡng cấp cứu ban đầu	2	1	1	Bắt buộc
6	Bệnh học nội khoa	2	2	0	Bắt buộc
7	Bệnh học ngoại khoa	2	2	0	Bắt buộc
8	Dịch tễ học - Bệnh truyền nhiễm	2	2	0	Bắt buộc
9	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	0	Bắt buộc
10	Sức khỏe môi trường	2	2	0	Bắt buộc
11	Tổ chức y tế	2	2	0	Bắt buộc
7.2.2. Kiến thức ngành		56	29	27	
<i>7.2.2.1. Kiến thức ngành (bắt buộc)</i>		52	25	27	
1	KTXN cơ bản	3	2	1	Bắt buộc
2	Hóa sinh 1	3	2	1	Bắt buộc
3	Hóa sinh 2	3	2	1	Bắt buộc
4	Thực hành KTXN 1: Hóa sinh	3	0	3	Bắt buộc
5	Vi sinh 1	3	2	1	Bắt buộc
6	Vi sinh 2	3	2	1	Bắt buộc
7	Ký sinh trùng 1	3	2	1	Bắt buộc
8	Ký sinh trùng 2	2	1	1	Bắt buộc
9	Thực hành KTXN 2: Vi sinh - ký sinh	3	0	3	Bắt buộc
10	Huyết học tế bào 1	3	2	1	Bắt buộc
11	Huyết học tế bào 2	2	1	1	Bắt buộc
12	Huyết học đông máu	2	1	1	Bắt buộc
13	Huyết học truyền máu	2	2	0	Bắt buộc
14	Thực hành KTXN3: Huyết học	3	0	3	Bắt buộc
15	Xét nghiệm tế bào 1	3	2	1	Bắt buộc
16	Xét nghiệm tế bào 2	3	2	1	Bắt buộc
17	Thực hành KTXN 4: Giải phẫu bệnh	3	0	3	Bắt buộc
18	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	2	0	Bắt buộc
19	Thực hành về phương thức tổ chức và	3	0	3	Bắt buộc
20	KTXN cơ bản	3	2	1	Bắt buộc
<i>7.2.2.2. Kiến thức bổ trợ ngành (chọn 2/5)</i>		4	4	0	
1	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong VSATTP	2	2	0	Tự chọn
2	Xét nghiệm tế bào 3	2	2	0	Tự chọn
3	Y sinh học phân tử	2	2	0	Tự chọn
4	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	1	1	Tự chọn
5	Xét nghiệm huyết học chuyên ngành	2	2	0	Tự chọn
7.2.3. Thực tập và tốt nghiệp (chọn 2/3)		12	0	12	

7.2.3.1. Thực tập tại bệnh viện	6	0	6	
7.2.3.2. Thực tập tại cộng đồng	6	0	6	
7.2.3.3. Bảo vệ khóa luận/Học phần thay thế	6	0	6	
- Chuyên đề nghiên cứu	2	1	1	
- Thực hiện chuyên đề nghiên cứu	4	3	1	

Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Học kỳ I

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Triết học Mác-Lênin	3	3	45	0	0
2	Vật lý và lý sinh	2	2	30	0	0
3	Ngôn ngữ Anh 1	4	4	60	0	0
4	Giáo dục thể chất	3*				
5	Giáo dục quốc phòng an ninh	11*				
Tổng cộng		9	9	135	0	0

Học kỳ II

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	30	0	0
2	Ngôn ngữ Anh 2	4	4	60	0	0
3	Hóa đại cương	2	2	30	0	0
4	Xác suất - thống kê y học	2	2	30	0	0
5	Giải phẫu	3	2	30	1	30
6	Sinh học và di truyền	2	2	30	0	0
7	Tin học đại cương	2	1	15	1	30
Tổng cộng		17	15	225	2	60

Học kỳ III

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	2	30	0	0
2	Sinh lý - Mô	2	2	30	0	0
3	Điều dưỡng cấp cứu ban đầu	2	1	15	1	30
4	Dinh dưỡng - VSAT thực phẩm	2	2	30	0	0
5	KTXN cơ bản	3	2	30	1	30
6	Hóa sinh 1	3	2	30	1	30

7	Pháp luật đại cương	2	2	30	0	0
Tổng cộng		16	13	195	3	90

Học kỳ IV

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Tư tưởng HCM	2	2	30	0	0
2	Sức khỏe môi trường	2	2	30	0	0
3	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	4	4	60	0	0
4	Hóa sinh 2	3	2	30	1	30
5	Thực hành KTXN 1: Hóa sinh	3	0	0	3	90
6	Vi sinh 1	3	2	30	1	30
7	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	2	30	0	0
Tổng cộng		19	14	210	5	150

Học kỳ V

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Lịch sử Đảng CSVN	2	2	30	0	0
2	Bệnh học nội khoa	2	2	30	0	0
3	Bệnh học ngoại khoa	2	2	30	0	0
4	Ký sinh trùng 1	3	2	30	1	30
5	Vi sinh 2	3	2	30	1	30
6	Ký sinh trùng 2	2	1	15	1	30
7	Thực hành KTXN 2: Vi sinh - ký sinh trùng	3	0	0	3	90
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	30	0	0
Tổng cộng		19	13	195	6	180

Học kỳ VI

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Dịch tễ học - Bệnh truyền nhiễm	2	2	30	0	0
2	Huyết học tế bào 2	2	1	15	1	30
3	Huyết học đông máu	2	1	15	1	30
4	Thực hành KTXN3: Huyết học	3	0	0	3	90
5	Xét nghiệm tế bào 1	3	2	30	1	30
6	Huyết học tế bào 1	3	2	30	1	30
7	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	30	0	0
8	Dược lý học	2	2	30	0	0
Tổng cộng		19	12	180	7	210

Học kỳ VII

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Xét nghiệm tế bào 2	3	2	30	1	30
2	Huyết học truyền máu	2	2	30	0	0
3	Tổ chức y tế	2	2	30	0	0
4	Thực hành KTXN 4: Giải phẫu bệnh	3	0	0	3	90
5	Y sinh học phân tử	2	2	30	0	0
6	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	2	30	0	0
7	Thực hành về phương thức tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm tại bệnh viện	3	0	0	3	90
Tổng cộng		17	10	150	7	210

Học kỳ VIII

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong VSATTP	2	2	30	0	0
2	Thực tập xét nghiệm y học tại bệnh viện	6	0	0	6	180
3	Thực tập xét nghiệm tại cộng đồng	6	0	0	6	180
	Bảo vệ khóa luận/Học phần thay thế	6	0	0	6	180
	Chuyên đề nghiên cứu	2	1	0	1	30
	Thực hành nghiên cứu tự chọn	4	3	0	1	30
Tổng cộng		14	2	30	12	360

7.2. Hệ vừa học vừa làm

7.2.1. Trung cấp lên đại học

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số tín chỉ	Phân bố		Ghi chú
			LT	TH	
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương		22	21	1	
<i>Các môn chung</i>		18	17	1	
1	Triết học Mác-Lênin	2	2	0	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	2	0	
4	Tư tưởng HCM	2	2	0	
5	Lịch sử Đảng CSVN	2	2	0	
6	Ngôn ngữ Anh 1	2	2	0	
7	Ngôn ngữ Anh 2	2	2	0	
8	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	2	2	0	
9	Tin học đại cương	2	1	1	
<i>Các môn cơ sở khối ngành</i>		4	4	0	
10	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	0	
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		78	46	32	
<i>7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>		23	21	2	
1	Giải phẫu	3	2	1	Bắt buộc
2	Sinh lý - Mô	2	2	0	Bắt buộc
3	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	2	0	Bắt buộc
4	Dược lý học	2	2	0	Bắt buộc
5	Điều dưỡng cấp cứu ban đầu	2	1	1	Bắt buộc
6	Bệnh học nội khoa	2	2	0	Bắt buộc
7	Bệnh học ngoại khoa	2	2	0	Bắt buộc
8	Dịch tễ học - Bệnh truyền nhiễm	2	2	0	Bắt buộc
9	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	0	Bắt buộc
10	Sức khỏe môi trường	2	2	0	Bắt buộc
11	Tổ chức y tế	2	2	0	Bắt buộc
<i>7.2.2. Kiến thức ngành</i>		45	23	22	
<i>7.2.2.1. Kiến thức ngành (bắt buộc)</i>		41	19	22	
1	KTXN cơ bản	3	2	1	Bắt buộc

2	Hóa sinh 1	2	1	1	Bắt buộc
3	Hóa sinh 2	2	1	1	Bắt buộc
4	Thực hành KTXN 1: Hóa sinh	2	0	2	Bắt buộc
5	Vi sinh 1	2	1	1	Bắt buộc
6	Vi sinh 2	2	1	1	Bắt buộc
7	Ký sinh trùng 1	2	1	1	Bắt buộc
8	Ký sinh. trùng 2	2	1	1	Bắt buộc
9	Thực hành KTXN 2: Vi sinh - ký sinh	2	0	2	Bắt buộc
10	Huyết học tế bào 1	2	1	1	Bắt buộc
11	Huyết học tế bào 2	3	2	1	Bắt buộc
12	Huyết học đông máu	2	1	1	Bắt buộc
13	Huyết học truyền máu	2	2	0	Bắt buộc
14	Thực hành KTXN3: Huyết học	2	0	2	Bắt buộc
15	Xét nghiệm tế bào 1	2	1	1	Bắt buộc
16	Xét nghiệm tế bào 2	3	2	1	Bắt buộc
17	Thực hành KTXN 4: Giải phẫu bệnh	2	0	2	Bắt buộc
18	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	2	0	Bắt buộc
19	Thực hành về phương thức tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm tại bệnh viện	2	0	2	Bắt buộc
7.2.2.2. Kiến thức bổ trợ ngành (chọn 2/5)		4	4	0	
1	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong VSATTP	2	2	0	Tự chọn
2	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	1	1	Tự chọn
3	Xét nghiệm tế bào 3	2	2	0	Tự chọn
4	Y sinh học phân tử	2	2	0	Tự chọn
5	Xét nghiệm huyết học chuyên ngành	2	2	0	Tự chọn
7.2.3. Thực tập và tốt nghiệp (Chọn 2/3)		8	0	8	
7.2.3.1. Thực tập tốt nghiệp					
- Thực tập tại bệnh viện		3	0	3	3
- Thực tập tại cộng đồng		4	0	4	4
7.2.3.2. Bảo vệ khóa luận/Học phần thay thế					
- Chuyên đề nghiên cứu		2	0	2	
- Thực hiện chuyên đề nghiên cứu		2	0	2	

Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Học kỳ I

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Triết học Mac-Lênin	2	2	30	0	0
2	Ngôn ngữ Anh 1	2	2	30	0	0
3	Tin học đại cương	2	1	15	1	30
4	Giải phẫu	3	2	30	1	30
5	Tổ chức y tế	2	2	30	0	0
6	Sinh lý - Mô	2	2	30	0	0
7	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	30	0	0
8	Điều dưỡng cấp cứu ban đầu	2	1	15	1	30
9	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	30		0
Tổng cộng		19	16	240	3	90

Học kỳ II

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	30	0	0
2	Ngôn ngữ Anh 2	2	2	30	0	0
3	KTXN cơ bản	2	1	15	1	30
4	Hóa sinh 1	2	1	15	1	30
5	Dược lý học	2	2	30	0	0
6	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	2	30	0	0
7	Sức khỏe môi trường	2	2	30	0	0
8	Hóa sinh 2	2	1	30	1	30
9	Thực hành KTXN 1: Hóa sinh	2	0	0	2	60
Tổng cộng		18	13	195	5	150

Học kỳ III

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	2	30	0	0
2	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	2	2	30	0	0
3	Vi sinh 1	2	1	15	1	30
4	Vi sinh 2	2	1	15	1	30
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	30	0	0
6	Bệnh học nội khoa	2	2	30	0	0
7	Bệnh học ngoại khoa	2	2	30	0	0
8	Ký sinh trùng 1	2	1	15	1	30
9	Ký sinh trùng 2	2	1	15	1	30
10	Thực hành KTXN 2: Vi sinh - ký sinh trùng	2	0	0	2	60
Tổng cộng		20	14	210	6	180

Học kỳ IV

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Tư tưởng HCM	2	2	30	0	0
2	Huyết học tế bào 1	2	1	15	1	30
3	Dịch tễ học	2	2	30	0	0
4	Huyết học tế bào 2	3	2	30	1	30
5	Huyết học đông máu	2	1	15	1	30
6	Thực hành KTXN3: Huyết học	2	0	0	2	60
7	Xét nghiệm tế bào 1	2	1	15	1	30
8	Xét nghiệm tế bào 2	3	2	30	1	30
9	Thực hành KTXN 4: Giải phẫu bệnh	2	0	0	2	60
Tổng cộng		20	11	165	9	270

Học kỳ V

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Lịch sử Đảng CSVN	2	2	30	0	0
2	Huyết học truyền máu	2	2	30	0	0
3	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	2	30	0	0
4	Y sinh học phân tử	2	2	30	0	0
5	Thực hành về phương thức tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm tại bệnh viện	2	0	0	2	60
6	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong VSATTP	2	2	30	0	0
7	Thực tập xét nghiệm tại bệnh viện	4	0	0	4	120
8	Thực tập xét nghiệm tại cộng đồng	4	0	0	4	120
9	Bảo vệ khóa luận/Học phần thay thế	4	0	0	4	120
-	Chuyên đề nghiên cứu	2	1	0	1	30
-	Thực hành nghiên cứu tự chọn	2	3	0	1	30
Tổng cộng		20	10	150	10	300

7.2.2. Hệ vừa học vừa làm cao đẳng lên đại học

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số tín chỉ	Phân bố		Ghi chú
			LT	TH	
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương		6	6	0	
<i>Các môn chung</i>		2	2	0	
1	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	2	2	0	
<i>Các môn cơ sở khối ngành</i>		4	4	0	
10	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	0	
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		56	34	22	
<i>7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>		8	8	0	
1	Giải phẫu	2	2	0	Bắt buộc
2	Sinh lý - Mô	2	2	0	Bắt buộc
3	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	2	0	Bắt buộc
4	Dược lý học	2	2	0	Bắt buộc

7.2.2. Kiến thức ngành		37	21	16	
7.2.2.1. Kiến thức ngành (bắt buộc)		33	17	16	
1	KTXN cơ bản	3	2	1	Bắt buộc
2	Hóa sinh	3	2	1	Bắt buộc
3	Thực hành KTXN 1: Hóa sinh	2	0	2	Bắt buộc
4	Vi sinh	3	2	1	Bắt buộc
5	Ký sinh trùng	3	2	1	Bắt buộc
6	Thực hành KTXN 2: Vi sinh - ký sinh	3	0	3	Bắt buộc
7	Huyết học tế bào	3	2	1	Bắt buộc
8	Huyết học đông máu	2	1	1	Bắt buộc
9	Huyết học truyền máu	2	2	0	Bắt buộc
10	Thực hành KTXN3: Huyết học	2	0	2	Bắt buộc
11	Xét nghiệm tế bào	3	2	1	Bắt buộc
12	Thực hành KTXN 4: Giải phẫu bệnh	2	0	2	Bắt buộc
13	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	2	0	Bắt buộc
7.2.2.2. Kiến thức bổ trợ ngành (chọn 2/5)		4	4	0	
1	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong VSATTP	2	2	0	Tự chọn
2	Xét nghiệm tế bào 3	2	2	0	Tự chọn
3	Y sinh học phân tử	2	2	0	Tự chọn
4	Xét nghiệm huyết học chuyên ngành	2	2	0	Tự chọn
5	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong VSATTP	2	2	0	Tự chọn
7.2.3. Thực tập và tốt nghiệp		7	0	7	
7.2.3.1. Thực tập tốt nghiệp					
- Thực tập tại bệnh viện		3	0	3	3
- Thực tập tại cộng đồng		4	0	4	4
7.2.3.2. Bảo vệ khóa luận/Học phần thay thế		4	0	4	4
Chuyên đề nghiên cứu		2	0	2	2
Thực hiện chuyên đề nghiên cứu		2	0	2	2

Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Học kỳ I

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	2	2	30	0	0
2	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	2	30	0	0
3	KTXN cơ bản	3	2	30	1	30
4	Hóa sinh	3	2	30	1	30
5	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	30	0	0
6	Giải phẫu	2	2	30	0	0
7	Thực hành KTXN 1: Hóa sinh	2	0	0	2	60
8	Vi sinh	3	2	30	1	30
Tổng cộng		19	14	210	5	150

Học kỳ II

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30
2	Thực hành KTXN 2: Vi sinh - ký sinh trùng	2	0	0	2	60
3	Huyết học tế bào	3	2	30	1	30
4	Dược lý học	2	2	30	0	0
5	Sinh lý - Mô	2	2	30	0	0
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	30	0	0
7	Huyết học đông máu	2	1	15	1	30
8	Thực hành KTXN3: Huyết học	2	0	0	2	60
Tổng cộng		18	11	165	7	210

Học kỳ III

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Xét nghiệm tế bào	4	3	45	1	30
2	Huyết học truyền máu	2	2	30		0
3	Thực hành KTXN 4: Giải phẫu bệnh	2	0	0	2	60
4	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	0	0	2	60
5	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong VSATTP	2	2	30	0	0
6	Y sinh học phân tử	2	2	30		0
7	Thực tập xét nghiệm tại bệnh viện	3	0	0	3	90
8	Thực tập xét nghiệm tại cộng đồng	4	0	0	4	120
	Bảo vệ khóa luận/Học phần thay thế	4	0	0	4	120
	Chuyên đề nghiên cứu	2	0	0	2	60
	Thực hành nghiên cứu tự chọn	2	2	30	0	0
Tổng cộng		21	11	165	18	540

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Đối với Khoa Dược – Xét nghiệm

- Phải thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;
- Cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên giảng dạy học phần, đảm bảo tính ổn định học phần giảng dạy;
- Cố vấn học tập phải hiểu nội dung, hình thức thực hiện chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng kí các học phần;
- Chuẩn bị đủ học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;
- Chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mô đun kiến thức của học phần tiên quyết, học phần bắt buộc, học phần tự chọn và học phần cơ sở ngành, học phần ngành, học phần chuyên ngành.

9.2. Đối với giảng viên

- Phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng học tập phù hợp;
- Phải giới thiệu học liệu bắt đầu và học liệu tham khảo cho sinh viên trước khi lên lớp để sinh viên chuẩn bị bài trước khi nghe giảng;
- Cố gắng tổ chức các buổi thảo luận, chú trọng việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận;
- Xác định phương pháp truyền thụ, thuyết trình, giải quyết vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Kiểm tra, đánh giá

Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Đông Đô.

9.4. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần phù hợp với tiến độ đào tạo và khả năng theo học của bản thân;

- Phải nghiên cứu chương trình đào tạo trước khi lên lớp, để tiếp thu bài giảng;

- Phải lên lớp đủ thời gian quy định để giảng bài;

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, tích cực tham gia học nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thảo luận, tọa đàm khoa học (seminar);

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của Nhà trường để phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp;

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

9.5. Dự kiến mức học phí/người học/năm: 25.500.000đ/năm hoặc 850.000 VND/tín chỉ. Mức tăng không quá 10%/năm.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

**KHOA DƯỢC - XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA**



TS. Nguyễn Minh Tuấn